

## MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA ..... - Tiếng Việt lớp 1 (thời gian làm bài ..... phút)

| TT | Nội dung             |                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                  | Số câu và số điểm | Mức 1 |    | Mức 2 |     | Mức 3 |     | Cộng |      | Tổng điểm | Tỉ lệ |
|----|----------------------|----------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------|----|-------|-----|-------|-----|------|------|-----------|-------|
|    |                      |                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                  |                   | TNKQ  | TL | TNKQ  | TL  | TNKQ  | TL  | TNKQ | TL   |           |       |
| 1  | Đọc                  | Kĩ thuật đọc kết hợp nói và nghe | Văn bản văn học/thông tin                                                                                                                                                                                                                                        | 6                 |       |    |       |     |       |     |      |      | 6,00      | 30,00 |
|    |                      | Đọc hiểu                         | Văn bản văn học/thông tin<br>- Đọc hiểu nội dung<br>- Đọc hiểu hình thức<br>- Liên hệ, so sánh, kết nối                                                                                                                                                          | Số câu            | 3     |    | 1     | 1   |       | 1   | 4    | 2    | 4,00      | 20,00 |
|    |                      |                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                  | Số điểm           | 1,5   |    | 0,5   | 1,0 |       | 1,0 | 2,00 | 2,00 |           |       |
|    |                      |                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                  | Câu số            | 1,2,3 |    | 4     | 5   |       | 6   |      |      |           |       |
| 2  | Kiến thức Tiếng Việt | Ngữ âm và chữ viết               | Âm, vần, thanh; chữ và dấu thanh<br>Quy tắc chính tả phân biệt: c và k, g và gh, ng và ngh<br>Quy tắc viết hoa: viết hoa chữ cái đầu câu, viết hoa tên riêng                                                                                                     | Số câu            | 1     |    |       |     |       |     | 1    | 0    | 1,00      | 5,00  |
|    |                      |                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                  | Số điểm           | 1,0   |    |       |     |       |     | 1,00 | 0,00 |           |       |
|    |                      |                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                  | Câu số            | 2     |    |       |     |       |     |      |      |           |       |
|    |                      | Từ vựng                          | Vốn từ theo chủ điểm: Từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm gần gũi                                                                                                                                                                                                 | Số câu            |       |    | 1     |     |       |     | 1    | 0    | 1,00      | 5,00  |
|    |                      |                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                  | Số điểm           |       |    | 1,0   |     |       |     | 1,00 | 0,00 |           |       |
|    |                      |                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                  | Câu số            |       |    | 3     |     |       |     |      |      |           |       |
|    |                      | Ngữ pháp                         | Công dụng của dấu chấm, dấu chấm hỏi: đánh dấu kết thúc câu                                                                                                                                                                                                      | Số câu            |       |    | 1     |     |       |     | 1    | 0    | 1,00      | 5,00  |
|    |                      |                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                  | Số điểm           |       |    | 1,0   |     |       |     | 1,00 | 0,00 |           |       |
|    |                      |                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                  | Câu số            |       |    | 4     |     |       |     |      |      |           |       |
|    |                      | Hoạt động giao tiếp              | Từ xưng hô thông dụng khi giao tiếp ở nhà và ở trường<br>Một số nghi thức giao tiếp thông dụng ở nhà và ở trường: chào hỏi, giới thiệu, cảm ơn, xin lỗi, xin phép.                                                                                               | Số câu            |       |    |       |     | 1     |     | 1    | 0    | 1,00      | 5,00  |
|    |                      |                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                  | Số điểm           |       |    |       |     | 1,0   |     | 1,00 | 0,00 |           |       |
|    |                      |                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                  | Câu số            |       |    |       |     | 5     |     |      |      |           |       |
|    |                      | Kỹ thuật viết                    | - Viết đúng chữ viết thường, chữ số (từ 0 đến 9); biết viết chữ hoa.<br>- Đặt dấu thanh đúng vị trí. Viết đúng quy tắc các tiếng mở đầu bằng các chữ c, k, g, gh, ng, ngh.<br>- Viết đúng chính tả đoạn thơ, đoạn văn có độ dài khoảng 30 - 35 chữ theo các hình | Số câu            |       |    | 1     |     |       |     | 1    | 0    | 6,00      | 30,00 |
|    |                      |                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                  | Số điểm           |       |    | 6,0   |     |       |     | 6,00 | 0,00 |           |       |

|               |      |                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |         |       |      |       |      |       |      |       |       |       |        |
|---------------|------|-------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|-------|------|-------|------|-------|------|-------|-------|-------|--------|
| 3             | Viết |                         | độ dài khoảng 30- 35 chữ theo các hình thức nhìn- viết (tập chép), nghe- viết. Tốc độ viết khoảng 30- 35 chữ trong 15 phút.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Câu số  |       |      | 1     |      |       |      |       |       |       |        |
|               |      | Viết câu, đoạn văn ngắn | <div>- Điền được phần thông tin còn trống, viết được câu trả lời, viết câu dưới tranh phù hợp với nội dung câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe.</div> <div>- Điền được vào phần thông tin còn trống, viết câu nói về hình dáng hoặc hoạt động của nhân vật dưới tranh trong câu chuyện đã học dựa trên gợi ý.</div> <div>- Điền được phần thông tin còn trống, viết câu trả lời hoặc viết lại câu đã nói để giới thiệu bản thân dựa trên gợi ý.</div> | Số câu  |       |      |       |      |       |      | 0     | 0     | 0,00  | 0,00   |
|               |      |                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Số điểm |       |      |       |      |       |      | 0,00  | 0,00  |       |        |
|               |      |                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Câu số  |       |      |       |      |       |      |       |       |       |        |
| Tổng số câu:  |      |                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |         | 4     | 0    | 4     | 1    | 1     | 1    | 9     | 2     | 20,00 | 100,00 |
| Tổng số điểm: |      |                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |         | 2,50  | 0,00 | 8,50  | 1,00 | 1,00  | 1,00 | 12,00 | 2,00  |       |        |
| Tỉ lệ:        |      |                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |         | 12,50 |      | 47,50 |      | 10,00 |      | 60,00 | 10,00 |       |        |

**Lưu ý:**

- Do yêu cầu cần đạt về đọc hiểu nội dung; đọc hiểu hình thức; liên hệ, so sánh, kết nối đối với mỗi thể loại văn bản khác nhau nên tùy thuộc vào thể loại văn bản được chọn để sử dụng nội dung.
- Nếu có điều kiện, có thể làm ma trận riêng cho văn bản truyện, văn bản thơ, văn bản miêu tả và văn bản thông tin.